

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Hà Nội, tháng 12, năm 2019

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	7
Điều 1: Định nghĩa.....	7
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	11
Điều 2: Tên gọi và trụ sở của Công ty.....	11
Điều 3: Thời hạn hoạt động.....	12
Điều 4: Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân.....	12
Điều 5: Đại diện theo pháp luật.....	12
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG.....	13
Điều 6: Mục tiêu.....	13
Điều 7: Huy động vốn.....	13
Điều 8: Hoạt động tín dụng.....	13
Điều 9: Các hình thức cấp tín dụng:.....	13
Điều 10: Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra và xử lý.....	14
Điều 11: Bảo lãnh.....	14
Điều 12: Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác.....	14
Điều 13: Tài khoản tiền gửi của Công ty.....	14
Điều 14: <i>(Đã bãi bỏ)</i>	15
Điều 15: Các hoạt động khác.....	15
Điều 16: Tỷ lệ an toàn.....	15
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG.....	15
Điều 17: Vốn điều lệ.....	15
Điều 18: Thay đổi vốn điều lệ.....	16
Điều 19: Vốn hoạt động.....	16
CHƯƠNG V: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	17
Điều 20. Hình thức cổ phần, cổ phiếu.....	17
Điều 21: Cổ đông và cổ đông sáng lập.....	17
Điều 22: Chào bán cổ phần.....	18
Điều 23: Mua lại cổ phần.....	19

Điều 24: Chứng chỉ cổ phiếu.....	20
Điều 25: Phát hành trái phiếu và giấy tờ có giá	21
Điều 26: Chuyển nhượng cổ phần.....	21
CHƯƠNG VI : CÁC CƠ QUAN VÀ CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH.....	22
Điều 27: Các cơ quan	22
CHƯƠNG VII: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
Điều 28: Sổ đăng ký cổ đông.....	22
Điều 29: Quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông	23
Điều 30: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	26
Điều 31: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	27
Điều 32: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 33: Quyền dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 34: Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 35: Mời họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 36: Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 37: Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 39: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	35
Điều 40: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	36
Điều 41: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	37
Điều 42: Huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	39
CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC	40
Điều 43: Nhiệm vụ chung	40
Điều 44: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	40
Điều 45: Đương nhiên mất tư cách.....	42
Điều 46: Miễn nhiệm, bãi nhiệm	43
Điều 47: Kiểm soát đặc biệt	44
CHƯƠNG IX: CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH.....	44
Điều 48: Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên ban Điều hành	44

Điều 49: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi	44
Điều 50: Trách nhiệm và bồi thường	46
CHƯƠNG X: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	46
Điều 51: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	46
Điều 52: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	49
Điều 53: Chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	51
Điều 54: Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	53
Điều 55: Nghị quyết bằng văn bản	56
Điều 56: Biên bản họp Hội đồng quản trị	57
Điều 57: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	57
Điều 58: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	58
Điều 59: Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị	58
Điều 60: Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	59
Điều 61: Thư ký	59
CHƯƠNG XI: TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	60
Điều 62: Tổng Giám đốc Công ty	60
Điều 63. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	60
Điều 64 : Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	61
CHƯƠNG XII: BAN KIỂM SOÁT	63
Điều 65: Thành phần và nhiệm kỳ	63
Điều 66: Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát	65
Điều 67: Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	67
Điều 68: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	67
Điều 69: Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát.....	68
Điều 70: Thay thế thành viên Ban Kiểm soát	69
Điều 71: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát	70
CHƯƠNG XIII: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	73
Điều 72: Cơ cấu tổ chức của công ty	73
Điều 73: Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính	73
Điều 74: Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc.....	73
CHƯƠNG XIV: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	73
Điều 75. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	73
CHƯƠNG XV: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	74

Điều 76. Công nhân viên và công đoàn.....	74
CHƯƠNG XVI: HỆ THỐNG KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TRA NỘI BỘ	74
Điều 77: Hệ thống Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ	74
CHƯƠNG XVII: CÁC HẠN CHẾ ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	75
Điều 78: Việc trích lập và sử dụng phòng rủi ro	75
Điều 79: Trường hợp không được cấp tín dụng.....	75
Điều 80: Trường hợp hạn chế tín dụng	75
Điều 81: Giới hạn góp vốn cổ phần	75
Điều 82: <i>(Đã bãi bỏ)</i>	75
CHƯƠNG XVIII: THỐNG KÊ, KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.	76
Điều 83: Năm tài chính	76
Điều 84: Trình báo cáo hàng năm	76
Điều 85: Trả cổ tức	76
Điều 86: Trích lập các quỹ của Công ty	78
CHƯƠNG XIX: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ	78
Điều 87. Tài khoản ngân hàng	78
Điều 88. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	78
CHƯƠNG XX: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	79
Điều 89. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	79
Điều 90. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	80
CHƯƠNG XXI: KIỂM TOÁN.....	80
Điều 91: Kiểm toán	80
CHƯƠNG XXII: CON DẤU	81
Điều 92. Con dấu.....	81
CHƯƠNG XXIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	81
Điều 93: Báo cáo và kiểm soát đặc biệt	81
Điều 94: Phá sản Công ty	81
Điều 95: Chấm dứt hoạt động.....	81
Điều 96: Thanh lý Công ty	82
CHƯƠNG XXIV: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	83
Điều 97: Giải quyết tranh chấp nội bộ	83
CHƯƠNG XXV: THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT.....	83

Điều 98: Thông tin định kỳ	83
Điều 99: Nghĩa vụ bảo mật.....	84
CHƯƠNG XXVI: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	84
Điều 100. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	84
CHƯƠNG XXVII: NGÀY HIỆU LỰC	84
Điều 101: Ngày hiệu lực	84

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Căn cứ:

- Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1.1 Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và những luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp nếu có trong tương lai.

"**Luật các tổ chức tín dụng**" là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QHXII được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và những luật sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QHXII.

"**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được ghi vào Điều lệ này.

"**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên**" là cuộc họp đầu tiên của các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác tham gia góp vốn và quyết định thành lập Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên có nhiệm vụ thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Đề án thành lập Công ty, bầu thành viên Hội đồng quản trị, bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác có liên quan tới việc thành lập Công ty.

"**Pháp luật**" có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà Nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.

"Vốn pháp định" là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Công ty Tài chính.

"Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

b. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

c. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

d. Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;

e. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

g. Nhóm tổ chức, cá nhân thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm vốn cổ phần hoặc lợi ích của Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.

h. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Công ty được xác định theo quy định nội bộ của Công ty hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.

i. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối.

"Người đại diện theo ủy quyền" là: cá nhân được cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Điều lệ này.

"**Giao dịch với bên liên quan**" là các giao dịch kinh tế được thoả thuận giữa Công ty với khách hàng là Người có liên quan.

"**Bảng văn bản**" có nghĩa là việc viết tay, in ấn hoặc bất cứ hình thức nào khác làm thể hiện hoặc tạo ra ký tự hoặc việc kết hợp nhiều hình thức để thể hiện ký tự.

"**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

"**Cổ đông phổ thông**" là người sở hữu cổ phần phổ thông.

"**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty.

"**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

"**Cổ phần**" là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

"**Cổ phiếu**" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

"**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

"**Công ty**" là Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt hoặc VietCredit.

"**Công ty con của VietCredit**" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. VietCredit hoặc VietCredit và người có liên quan của VietCredit sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
- b. VietCredit có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
- c. VietCredit có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
- d. VietCredit và người có liên quan của VietCredit trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

"**Công ty liên kết của Công ty**" là công ty trong đó VietCredit hoặc VietCredit và người có liên quan của VietCredit sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VietCredit.

"**Các loại cổ phần**"

- a. Công ty phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

b. Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

c. Các loại cổ phần ưu đãi:

(i) Cổ phần ưu đãi biểu quyết: Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

(ii) Cổ phần ưu đãi cổ tức: Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty và chỉ được trả khi Công ty có lãi. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý, người điều hành khác của Công ty không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Công ty đó phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

“**Giấy tờ có giá**” bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, séc, chứng chỉ quỹ, giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch.

“**Sổ đăng ký cổ đông**” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Luật Doanh nghiệp.

“**Người quản lý**” bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc.

"**Người điều hành**" có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định và bổ nhiệm đảm bảo với yêu cầu của Pháp luật và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

"**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là "Người điều hành" theo quy định tại Điều lệ này.

"**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng.

"**Địa bàn kinh doanh**" là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước mà tại đó Công ty được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.

"**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

"**Thời gian hoạt động**" có nghĩa là thời gian Công ty được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Công ty có thể được gia hạn thời gian hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

"**NHNN**" có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

"**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- 1.2 Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.
- 1.3 Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế chúng.
- 1.4 Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên gọi và trụ sở của Công ty

- 2.1 Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT**
Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TÀI CHÍNH TÍN VIỆT**

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: VIETCREDIT FINANCE JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VIETCREDIT FINANCE COMPANY

- 2.2 Trụ sở chính của Công ty: Tầng 17, Tòa nhà Mipec Tower, Số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 62702127

Fax: 024. 62702128

Email: phucvu247@vietcredit.com.vn

Website: www.vietcredit.com.vn

- 2.3 Chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch của Công ty:

Công ty được thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, trong và ngoài nước tại các khu vực cần thiết khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản và tuân theo quy định của pháp luật. Công ty được mở các phòng giao dịch tại địa bàn nơi Công ty đặt trụ sở chính và chi nhánh.

Điều 3: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là năm mươi (50) năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép hoạt động. Công ty có thể gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông (từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua) và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 4: Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

- 4.1 Công ty tồn tại dưới hình thức một Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- 4.2 Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- 4.3 Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình.

- 4.4 Công ty được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi Công ty đặt trụ sở chính và các ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước phải được duy trì với số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Việc mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Điều 5: Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc phải cư trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam, phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của Công ty đang cư trú tại Việt

Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Nếu Tổng Giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 6: Mục tiêu

- 6.1 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Tài chính, tiền tệ.
- 6.2 Mục tiêu hoạt động của Công ty
 - Xây dựng Công ty trở thành tổ chức tín dụng phi ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam có chức năng cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty từng thời kỳ.
 - Xây dựng Công ty trở thành định chế tài chính có khả năng hợp tác và hội nhập với hệ thống các định chế tài chính trong nước và quốc tế để tạo lập vốn cho nhu cầu đầu tư phát triển, thực hiện quản trị vốn đầu tư và hoạt động trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ.

Điều 7: Huy động vốn

Công ty được thực hiện một hoặc một số hoạt động huy động vốn sau đây

- 7.1 Nhận tiền gửi của tổ chức theo Quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- 7.2 Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;
- 7.3 Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 7.4 Huy động vốn dưới hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Hoạt động tín dụng

Công ty cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả việc cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà Công ty chịu rủi ro theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Các hình thức cấp tín dụng:

Công ty cấp tín dụng dưới các hình thức:

- 9.1 Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;

- 9.2 Bảo lãnh ngân hàng;
- 9.3 Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;
- 9.4 Phát hành thẻ tín dụng;
- 9.5 Bao thanh toán;
- 9.6 Cho thuê tài chính;
- 9.7 Các hình thức cấp tín dụng khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 10: Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra và xử lý

- 10.1 Công ty được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cấp tín dụng; có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
- 10.2 Công ty có quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản tín dụng đã được cấp của khách hàng, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.
- 10.3 Công ty được miễn, giảm lãi suất cấp tín dụng; gia hạn nợ; mua bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11: Bảo lãnh

Công ty được bảo lãnh bằng uy tín và khả năng tài chính của mình dưới các hình thức bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 12: Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác

- 12.1 Công ty được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức và cá nhân;
- 12.2 Công ty được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức tín dụng khác.

Điều 13: Tài khoản của Công ty

- 13.1 Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;
- 13.2 Công ty được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- 13.3 Công ty được phép mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối;
- 13.4 Công ty được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.

Điều 14: (Đã bãi bỏ).

Điều 15: Các hoạt động khác

Công ty được thực hiện các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- 15.1 Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- 15.2 (Đã bãi bỏ);
- 15.3 Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật;
- 15.4 Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- 15.5 Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác;
- 15.6 Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép, ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- 15.7 Cung ứng các dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư;
- 15.8 Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng;
- 15.9 Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm;
- 15.10. Thành lập các Công ty trực thuộc để thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật;
- 15.11. Các hoạt động khác sau khi được cấp phép theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16: Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Công ty phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật hiện hành hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 17: Vốn điều lệ

- 17.1 Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
- 17.2 Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là:
687.872.140.000 đồng (Bằng chữ: *Sáu trăm tám mươi bảy tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).
Số cổ phần: **68.787.214** cổ phần phổ thông.
Mệnh giá cổ phần: **10.000** đồng/cổ phần.

- 17.3 Công ty phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
- 17.4 Vốn điều lệ của Công ty được sử dụng vào mục đích:
- Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Công ty không quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - Thành lập Công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - Cho vay;
 - Kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18: Thay đổi vốn điều lệ

- 18.1 Việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- 18.2 Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- 18.3 Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Công ty phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan công chứng Nhà nước) cho Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn điều lệ mới;
- 18.4 Hội đồng quản trị Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Điều 19: Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Công ty gồm các nguồn sau:

- 19.1 Vốn điều lệ của Công ty;
- 19.2 Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- 19.3 Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
- 19.4 Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 7 của Điều lệ này;
- 19.5 Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối; lỗ lũy kế chưa xử lý;
- 19.6 Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật;
- 19.7 Thặng dư vốn cổ phần.

CHƯƠNG V: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 20. Hình thức cổ phần, cổ phiếu

- 20.1 Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành lần đầu đều là cổ phần phổ thông. Việc phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác phải tuân thủ quyết định của Đại hội cổ đông, các quy định của pháp luật và phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.
- 20.2 Hình thức cổ phiếu: Công ty phát hành cổ phiếu là cổ phiếu có ghi tên.
- 20.3 Cổ phiếu của Công ty bao gồm các thông tin sau:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - Chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có);
 - Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.

Điều 21: Cổ đông và cổ đông sáng lập

- 21.1 Cổ đông sáng lập và tỷ lệ góp vốn của các cổ đông sáng lập Công ty:
- Tên cổ đông sáng lập
- TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM**
 - Địa chỉ: 228 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội
 - ĐKKD số: 110495 do Bộ Kế hoạch Đầu tư cấp ngày 04/12/1995
 - Điện thoại: (04) 38.512.425 Fax : (04) 38.512.778
 - NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**
 - Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội
 - ĐKKD số: 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/09/2010.
 - Điện thoại: (04) 39.343.137 Fax: (04) 39.265.548
 - TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**
 - Địa chỉ: 91 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội
 - ĐKKD số: 0106000848 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/02/2007
 - Điện thoại: (04) 38 561 767 Fax: (04) 38 561 815

- b. Sổ cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại cổ đông sáng lập được lưu trữ tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 21.2 Toàn bộ số vốn góp của các cổ đông sáng lập được góp bằng tiền mặt và được chuyển vào tài khoản phong toả tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi hoạt động tối thiểu là ba mươi (30) ngày.
Phần vốn góp bằng tài sản (nếu có) sẽ trở thành tài sản của Công ty. Việc định giá tài sản mà các cổ đông góp vào Công ty (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 21.3 Mức sở hữu cổ phần của các cổ đông là các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 21.4 Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 55 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Điều 22: Chào bán cổ phần

- 22.1 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác.
- 22.2 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 22.3 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
- a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của họ hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
- b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở

chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

- c. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác theo quy định của pháp luật;
 - d. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định nếu được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Căn cứ trên phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
- 22.4 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 22.5 Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- 22.6 Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 22.7 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 23: Mua lại cổ phần

Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật. Công ty chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không

giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 24: Chứng chỉ cổ phiếu

- 24.1 Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 24.2 Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
- 24.3 Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Công ty phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Công ty khai trương hoạt động, hoặc trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua trong trường hợp Công ty tăng vốn điều lệ.
- 24.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 24.5 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó, nhưng phải đưa ra bằng chứng chắc chắn về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí với Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - a Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ.
 - b Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.
- 24.6 Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 24.7 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản

trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

Điều 25: Phát hành trái phiếu và giấy tờ có giá

- 25.1 Công ty được phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 25.2 Các quyền và nghĩa vụ của trái chủ/ chủ sở hữu giấy tờ có giá đối với Công ty sẽ được quy định trên trái phiếu/ giấy tờ có giá.

Điều 26: Chuyển nhượng cổ phần

- 26.1 Các cổ phần của Công ty được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
- 26.2 Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- 26.3 Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác, việc chuyển nhượng cổ phần có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ được coi là hoàn tất khi thông tin về tên người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế hiện hành.

- 26.4 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
- 26.5 Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 26.6 Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.
- 26.7 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 26.8 Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
- 26.9 Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần khiến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước, phải thực hiện công bố thông tin và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 27: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 27.1 Đại hội đồng cổ đông;
- 27.2 Hội đồng quản trị;
- 27.3 Ban Kiểm soát;
- 27.4 Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VII: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28: Sổ đăng ký cổ đông

- 28.1 Sổ đăng ký cổ đông sẽ được Công ty lập từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động và bảo quản như là một hồ sơ pháp lý về sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản hoặc tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung sau:

- a. Tên địa chỉ Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - đ. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 28.2 Sổ đăng ký sẽ được giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bảo quản và cập nhật Sổ đăng ký cũng như bảo đảm sự chính xác của toàn bộ các thông tin chứa đựng trong đó.
- 28.3 Không quá mười lăm (15) ngày sau khi Công ty nhận đủ tiền thanh toán cho các cổ phần mà Công ty đã phát hành, Hội đồng quản trị sẽ ghi nhận các chi tiết có liên quan của cổ đông vào Sổ đăng ký.
- 28.4 Các cổ đông sẽ thông báo cho Hội đồng quản trị của Công ty bằng văn bản về các thay đổi địa chỉ của mình. Toàn bộ các thông báo hoặc các thông tin khác sẽ được gửi đến địa chỉ sau cùng ghi trong Sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 29: Quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông

- 29.1 Cổ đông là những người chủ sở hữu Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
- 29.2 Cổ đông của Công ty được hưởng các quyền sau:
- a. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có đủ số cổ phần tối thiểu theo quy định) mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết; thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
 - b. Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán khi Công ty tăng vốn điều lệ tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

- d. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ;
 - e. Yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của họ trong các trường hợp pháp luật có quy định;
 - f. Được nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Được quyền kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Được ủy quyền bằng văn bản từng lần cho người khác trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Công ty;
 - i. Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - j. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.
- 29.3 Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên ngoài các quyền của cổ đông phổ thông quy định theo Điều lệ này còn có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải được lập thành văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

- 29.4 Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên ngoài các quyền của cổ đông phổ thông quy định theo Điều lệ này còn có các quyền sau: Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
- 29.5 Cổ đông có nghĩa vụ sau:
- a. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
 - b. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
 - c. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - d. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - f. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - g. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
 - h. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - i. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty; không được góp vốn, mua cổ phần của Công ty dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.
 - j. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Công ty thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Công ty. Công ty có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường

hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

- k. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- l. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 29.6 Cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 50% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua vào tài khoản phong toả mở tại Ngân hàng Nhà nước trước khi hoạt động tối thiểu là ba mươi (30) ngày.
- 29.7 Trong thời hạn 05 năm đầu, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của Công ty; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.
Cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần như trên.
Sau thời hạn 05 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được quy định tại Điều 29.7 đều được bãi bỏ nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong từng thời kỳ.

Điều 30: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 30.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và thời gian cách nhau không quá mười lăm (15) tháng giữa hai kỳ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 30.2 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

30.3 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 31: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 31.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Tình hình tài chính của Công ty cho thấy Công ty lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc của Điều lệ công ty hoặc khi số thành viên Hội đồng Quản trị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;
 - f. Theo yêu cầu của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính và các trường hợp khác theo quy định.
- 31.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
- 31.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 31 thì trong thời hạn 30 ngày, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- 31.4 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3, Điều 31 thì cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, khoản 1 của điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- Trong trường hợp này Cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- 31.5 Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông theo quy định tại Điều này sẽ do Công ty thanh toán, với mục đích rõ ràng, các chi phí đó

sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 32: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

32.1 Đại hội cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:

- a. Thảo luận và thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. Báo cáo của Hội đồng quản trị tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các người điều hành khác;
- b. Thảo luận và thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, về kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông; Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; Báo cáo của Ban kiểm soát tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Quyết định thành lập Công ty con;
- d. Quyết định việc chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Công ty;
- e. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Công ty theo Điều 134 của Luật Doanh nghiệp 2014; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- g. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- i. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- j. Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của Công ty;
- k. Quyết định số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- l. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty;

- m. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- n. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- o. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
- r. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Công ty; công ty con, công ty liên kết của Công ty;
- s. Giao Hội đồng quản trị lựa chọn cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
- t. Các quyền và nghĩa vụ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và ghi vào Điều lệ này.

32.2 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về:

- a. Bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến khoản 1 Điều này mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
- b. Bất kỳ việc mua cổ phiếu nào từ cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan của cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán; hoặc

32.3 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 33: Quyền dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

33.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- 33.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 33.3 Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 33.4 Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34: Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 34.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân của mình.
- 34.2 Việc ủy quyền cho một người khác được họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
- b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và chứng minh thư nhân dân của người ủy quyền, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền; họ và tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- 34.3 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại

diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Điều 35: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 35.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết như quy định tại Điều 33 của Điều lệ này, chương trình họp, tài liệu cuộc họp phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Khẳng định thời gian và địa điểm đại hội;
 - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về Đại hội đồng cổ đông và gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông cho họ.
- 35.2 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
- 35.3 Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36: Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 36.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 29.3 có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề xuất phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

- 36.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 29.3;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 36.3 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 36.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 36.5 Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2, Điều 35 Điều lệ này.
- 36.6 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, nhưng quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 37: Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 37.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 37.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 37.3 Trường hợp cuộc triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp hay tỷ lệ số cổ phần biểu

quyết của các cổ đông dự họp, và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 38.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 38.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- 38.3 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- 38.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ chi tiết thời gian đối với những vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 38.5 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 38.6 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

- 38.7 Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 38.8 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp lý, hợp pháp khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 38.9 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
 - Có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 38.10 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 38.11 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- 38.12 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 38.13 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo khoản này.
- 38.14 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Điều 39: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 39.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đối với các vấn đề được nêu tại mục d, g, l, k của Khoản 1, Điều 32 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
Cụ thể, bao gồm các vấn đề sau:
- Quyết định việc chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Công ty;
 - Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty;
 - Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy định của Luật này và Điều lệ của Công ty.
- 39.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
- Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

- b. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo Điều 134 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;
 - Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Quyết định việc chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Công ty.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- 39.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 40: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 40.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại đại hội trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung được đưa ra đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài nhưng khi có tranh chấp phải sử dụng bằng bản tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chủ tọa, thư ký và đại biểu tham dự;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và phiếu trắng; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu của cổ đông dự họp và vấn đề còn tồn đọng;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 40.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 40.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho chi nhánh của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính và thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- 40.4 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 41: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 41.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lập

danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này.

- 41.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
- 41.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 41.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- 41.5 Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 41.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 41.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 41.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 41.9 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 41.10 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 42: Huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại mục 29.3, Điều 29 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 42.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;
- 42.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 43: Nhiệm vụ chung

- 43.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 43.2 Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 43.3 Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty, người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- 43.4 Chủ tịch và các thành viên trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên trong Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Luật Doanh nghiệp. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

Điều 44: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

- 44.1 Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương của Công ty:
 - a. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 44.2 Điều này;
 - b. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - d. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - e. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên,

Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

- f. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;
- g. Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng giám đốc của Công ty.
- h. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

44.2 Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của VietCredit:

- a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- e. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
- f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;

44.3 Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là người điều hành của Công ty và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Công ty đó hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

- b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Công ty hoặc công ty con của Công ty hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Công ty.
 - c. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Công ty.
 Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Công ty không được đồng thời là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.
 - d. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.
- 44.4 Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.
- 44.5 Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Công ty.

Điều 45: Đương nhiên mất tư cách

- 45.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc:
- a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - c. Vi phạm quy định tại Điều 44 Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

- d Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
 - e. Khi bị toà án trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
- 45.2 Chức danh đã được thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y của những người quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
- 45.3 Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Công ty phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính trong thời hạn 05 (năm) ngày và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều lệ này.
- 45.4 Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 46: Miễn nhiệm, bãi nhiệm

- 46.1 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong những trường hợp sau:
- a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b. Có đơn từ chức với lý do hợp lý;
 - c. Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - e. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
 - f. Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
 - g. Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 46.2 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.



- 46.3 Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 47: Kiểm soát đặc biệt

- 47.1 Trường hợp Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt tại Công ty có quyền tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc nếu thấy cần thiết.
- 47.2 Trong thời gian bị tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh theo quy định tại khoản 1, Điều 46 Điều lệ này và chờ làm thủ tục trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được tham dự họp nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG IX: CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 48: Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên ban Điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thực mà những người này xét thấy có lợi cho Công ty phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty với mức độ thận trọng mà một người cẩn trọng thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 49: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

- 49.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của ban điều hành được uỷ thác trách nhiệm không được sử dụng cho bản thân những cơ hội kinh doanh mà Công ty có thể sử dụng để tạo lợi thế riêng cho Công ty và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nào ngoài Công ty.
- 49.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên ban điều hành có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có thể có ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá

nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị (gồm những thành viên Hội đồng quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.

- 49.3 Các hợp đồng (không thuộc phạm vi bị cấm hoặc hạn chế theo quy định của pháp luật) của Công ty với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của công ty; công ty con, công ty liên kết của công ty; doanh nghiệp được quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 39 Luật các Tổ chức tín dụng chỉ được ký kết nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
- a. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành. Cổ đông là bên ký kết hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký kết hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 - b. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc có liên quan với bên ký kết hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- 49.4 Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 3 điều này thì hợp đồng đó vô hiệu

và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải có trách nhiệm bồi thường.

- 49.5 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Công ty hay các Công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.
- 49.6 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 50: Trách nhiệm và bồi thường

- 50.1 Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của ban điều hành có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
- 50.2 Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Công ty mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty. Công ty có thể mua và duy trì bảo hiểm đối với những trách nhiệm đó.

CHƯƠNG X: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 51: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 51.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị.

51.2 Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm, mục tiêu hoạt động của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- d. Quyết định việc phát hành trái phiếu và các giấy tờ có giá khác trừ các trường hợp được quy định tại mục c, khoản 2, Điều 51 của Điều lệ này;
- e. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và chứng khoán chuyển đổi sau khi phương án chào bán cổ phần, trái phiếu và chứng khoán chuyển đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty từ 10% trở lên so với vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty quy định tại điểm o khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này;
- g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, cùng các chức danh điều hành khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của các chức danh đó;
- h. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó nếu trong trường hợp điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có vốn góp của Công ty chưa quy định;
- i. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- j. Quyết định cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban chức năng trong Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
- k. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Đề xuất mức cổ tức sẽ trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- o. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Ban hành các quy chế hoạt động kinh doanh của Công ty;
- q. Lựa chọn cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
- r. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng;
- s. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;
- u. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- v. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật;
- w. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật tổ chức tín dụng và Điều lệ này.

51.3 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
- b. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- c. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 32 điều lệ này;
- d. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- e. Thông qua các hợp đồng của Vietcredit với công ty con, công ty liên kết của Vietcredit; các hợp đồng của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- f. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- g. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - h. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 51.4 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 51.5 Chủ tịch và các thành viên trong Hội đồng quản trị không được uỷ quyền cho những người không phải thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- 51.6 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- 51.7 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 52: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 52.1 Hội đồng quản trị phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam không được dưới 75% trong tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Công ty. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới.

- 52.2 Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 52.3 Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 52.4 Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- 52.5 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị đương nhiệm được quyền đề cử bổ sung người đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 52.6 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 52.7 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
- 52.8 Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
- 52.9 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết

thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 53: Chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

- 53.1 Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và phải được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y.
- 53.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Chuẩn bị các nội dung, chương trình và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
 - d. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - e. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - f. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng;
 - h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung;
 - i. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - k. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 53.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả

năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị mất khả năng làm việc hoặc không uỷ quyền cho một thành viên khác thay thế khi vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày đảm nhận chức danh tạm thời. Quá thời hạn trên, Hội đồng quản trị sẽ bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị mới và thông báo công khai kết quả.

- 53.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 53.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 53.6 Trường hợp Chủ tịch, phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế theo quy định tại Điều 58 Điều lệ.
- 53.7 Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước, Điều lệ của Công ty;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - c. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng; kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
 - d. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến của mình;
 - e. Thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị;
 - f. Hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc họp Hội đồng quản trị phiên bất thường;
 - g. Chấp hành quy định của Điều lệ Công ty về số cổ phần bắt buộc phải có đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ này về việc chuyển nhượng cổ phần.

Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và những thành viên này không được uỷ quyền cho những

người không phải là thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình;

- i. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;
- j. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 54: Cuộc họp Hội đồng quản trị

54.1 Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

54.2 Cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

54.3 Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị được tiến hành theo đề nghị của :

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- d. Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
- e. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý.
- f. Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

54.4 Chủ tịch phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính và tiến hành họp Hội đồng quản trị để xử lý

công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết. Nếu Hội đồng quản trị không đủ số thành viên để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Công ty.

- 54.5 Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 54.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.
- 54.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.
- 54.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần hai trong thời hạn 07 ngày, từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.
- 54.9 Mỗi thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia cuộc họp có một phiếu bầu. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết chấp nhận, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 3 Điều 49 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- 54.10 Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- 54.11 Thành viên hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 54.12 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 54.13 Bất kỳ quyết định nào cũng có thể được Hội đồng quản trị thông qua mà không cần tổ chức họp nếu như số thành viên chấp nhận về việc đó bằng văn bản ngang bằng với số thành viên của Hội đồng quản trị cần thiết để công việc đó được thông qua trong một cuộc họp được triệu tập họp lệ và phù hợp với Điều lệ này. Văn bản phê chuẩn như vậy sẽ có hiệu lực tương đương với việc biểu quyết tại một cuộc họp Hội đồng quản trị trong đó các thành viên Hội đồng quản trị đích thân tham dự được pháp luật cho phép.
- 54.14 Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng các phương tiện thông tin với điều kiện là thành viên này nghe được những thành

viên có mặt tại phiên họp phát biểu và các thành viên có mặt cũng nghe được những gì thành viên này phát biểu. Hình thức tham dự này được xem như là đích thân tham dự. Trong trường hợp này, việc biểu quyết sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện thông tin sử dụng.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

54.15 Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác được mời dự họp Hội đồng quản trị nhưng không được tham gia biểu quyết.

54.16 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Điều 55: Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết

có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

Điều 56: Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 56.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
- Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết dự họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
- 56.2 Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 56.3 Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp cho thành viên Hội đồng quản trị như bằng chứng kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi.
- 56.4 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 57: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 57.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị Công ty đầu tư vào.
- 57.2 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 58: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 58.1 Trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 58.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
- 58.3 Trong các trường hợp dưới đây thành viên Hội đồng quản trị sẽ mất quyền và nghĩa vụ là ủy viên Hội đồng quản trị và sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất tiếp theo:
- Thành viên Hội đồng quản trị không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 44, 45 của Điều lệ này
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 58.4 Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 58.5 Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông phải bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị bị khuyết.

Điều 59: Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

- 59.1 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 59.2 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được đài thọ các chi phí hợp lý (chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí cần thiết khác) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

Thành viên hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 60: Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

- 60.1 Hội đồng quản trị sẽ sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 60.2 Hội đồng quản trị có các nhân viên giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể con số và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc.
- 60.3 Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 61: Thư ký

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Hội đồng quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

- e Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI: TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 62: Tổng Giám đốc Công ty

- 62.1 Điều hành hoạt động Công ty là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
- 62.2 Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
- 62.3 Tổng Giám đốc không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại tổ chức tín dụng khác hoặc Công ty khác, trừ trường hợp là công ty con của Công ty và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại công ty con đó.
- 62.4 Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
- 62.5 Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
- 62.6 Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 63. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

- 63.1 Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.
- 63.2 Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
- 63.3 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

- 63.4 Trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc, nếu Công ty không có Phó Tổng Giám đốc thì cử một trưởng phòng nghiệp vụ đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính.
- 63.5 Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.
- 63.6 Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một trưởng phòng nghiệp vụ đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.
- 63.7 Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Công ty.
- 63.8 Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 64 : Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- 64.1 Trình Hội đồng quản trị.
- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Thành lập Công ty trực thuộc;
 - c. Mở Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc Công ty;
 - d. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định các mức lương, thù lao và lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f. Quy chế hoạt động Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc Công ty;
 - h. Phát hành cổ phiếu mới; phương án hoạt động kinh doanh;
 - i. Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác; tham gia góp vốn trong các hoạt động kinh doanh vượt thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc Công ty;
 - k. Những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng;
 - m. Phương án hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - n. Chuyển nhượng phần góp vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác vượt thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc theo các quy định của Công ty.
- 64.2 Quyết định các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo thẩm quyền được giao. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty.
- 64.3 Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, phương án hoạt động kinh doanh sau khi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty phê duyệt.
- 64.4 Quyết định góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác và các hình thức đầu tư khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và quy chế của Công ty.
- 64.5 Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo sự phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị.
- 64.6 Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
- 64.7 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý không thuộc những chức danh do Hội đồng Quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tuyển dụng, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên của Công ty; quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động kể cả các chức danh quản lý mà mình bổ nhiệm theo đúng pháp luật và quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 64.8 Đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản.
- 64.9 Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định

- đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền để giải quyết tiếp.
- 64.10 Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
- 64.11 Báo cáo Hội đồng quản trị, Cổ đông, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 64.12 Vào ngày 31/12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
- 64.13 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- 64.14 Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
- 64.15 Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
- 64.16 Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty theo quy định nội bộ của Công ty.
- 64.17 Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty.
- 64.18 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG XII: BAN KIỂM SOÁT

Điều 65: Thành phần và nhiệm kỳ

- 65.1 Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát với số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải

là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

- 65.2 Ban Kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
- 65.3 Nhiệm kỳ thành viên của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại.
- 65.4 Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- 65.5 Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- 65.6 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 66: Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

- 66.1 Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành Công ty; giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 66.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty.
- 66.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 66.4 Xem xét sổ kế toán và tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này.
- 66.5 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 29 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- 66.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 66.7 Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty, vi phạm Điều 160 Luật Doanh nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty khác thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 66.8 Ban Kiểm soát có quyền sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 66.9 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
- 66.10 Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Phòng Kiểm toán nội bộ.
- 66.11 Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán.
- 66.12 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- 66.13 Có quyền sử dụng, xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
- 66.14 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán độc lập muốn bàn bạc.
- 66.15 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
- 66.16 Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 66.17 Xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 66.18 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 66.19 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 66.20 Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

- 66.21 Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- 66.22 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ.
- 66.23 Có quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 66.24 Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- 66.25 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 67: Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

- 67.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 67.2 Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 67.3 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
- 67.4 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 68: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 68.1 Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát và mức thù lao mỗi ngày.
- 68.2 Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát

đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- 68.3 Thu lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 69: Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát

69.1 Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
- b Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát; Chuẩn bị chương trình họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- c Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 66 của Điều lệ này. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát;
- d Yêu cầu công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
- e Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát. Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã kham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- d Chịu trách nhiệm giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- e Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- f Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban Kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
- g. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;
- h. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

69.2 Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;

- b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm đó;
- c. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh;
- d. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng cổ đông;
- e. Ít nhất một tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát;
- f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
- g. Hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều lệ này;
- h. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
- i. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của tổ chức tín dụng và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu.
- k. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
- m. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó
- n. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 70: Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

- 70.1 Thành viên Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 45, Điều 46 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
- 70.2 Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có

trách nhiệm tổ chức cuộc họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật) làm Trưởng Ban Kiểm soát.

- 70.3 Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
- 70.4 Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- 70.5 Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, Công ty phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên.
- 70.6 Trong trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 71: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- 71.1 Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
- 71.2 Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Trưởng Ban Kiểm soát;
 - d. Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - e. Tổng Giám đốc;
 - f. Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính;
- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
- 71.3 Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp nếu Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng

thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết.

- 71.4 Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty.
- 71.5 Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
- 71.6 Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.
- 71.7 Biểu quyết
- a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay;
 - b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
 - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải

quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ;

- d. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 10 Điều 63 và điểm q Khoản 2 Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng và/hoặc một hợp đồng được ký với doanh nghiệp được nêu tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
- 71.8 Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Công ty phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan. Đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì phải trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 71.9 Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
- 71.10 Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
- 71.11 Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự

cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

CHƯƠNG XIII: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Điều 72: Cơ cấu tổ chức của Công ty

72.1 Cơ cấu tổ chức của Công ty chủ yếu bao gồm các thành phần sau:

- a. Trụ sở chính;
- b. Các chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp, các Công ty con trực thuộc;
- c. Các phòng giao dịch, điểm giao dịch.

72.2 Công ty được phép mở các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các phòng giao dịch, điểm giao dịch, đơn vị sự nghiệp, các Công ty con trực thuộc khi có nhu cầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị nêu trên sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 73: Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính

Trụ sở chính bao gồm các thành phần sau:

- a. Hội đồng quản trị;
- b. Ban Kiểm soát;
- c. Tổng Giám đốc;
- d. Hệ thống kiểm toán và kiểm soát nội bộ.

Điều 74: Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

- a. Các Phó Tổng Giám đốc;
- b. Kế toán trưởng;
- c. Các phòng ban.

CHƯƠNG XIV: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 75. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

75.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 29.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông

phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

- 75.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 75.3 Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 75.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XV: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 76. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch tuyển dụng và xây dựng cơ chế phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn để Hội đồng quản trị thông qua.

CHƯƠNG XVI: HỆ THỐNG KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TRA NỘI BỘ

Điều 77: Hệ thống Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ

77.1 Hệ thống Kiểm soát nội bộ

- a. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
- b. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
- Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

- c. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.

77.2 Kiểm toán nội bộ

- a. Phòng Kiểm toán nội bộ được thành lập trực thuộc Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ Công ty.
- b. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Công ty; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- c. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc Công ty.

CHƯƠNG XVII: CÁC HẠN CHẾ ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 78: Việc trích lập và sử dụng phòng rủi ro

Công ty phải dự phòng rủi ro và hạch toán khoản dự phòng này vào các chi phí hoạt động. Việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 79: Trường hợp không được cấp tín dụng

Công ty không được cấp tín dụng đối với những đối tượng thuộc trường hợp không được cấp tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của Ngân hàng nhà nước.

Điều 80: Trường hợp hạn chế tín dụng

Công ty không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi cho những đối tượng thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 81: Giới hạn góp vốn cổ phần

- 81.1 Mức vốn góp, mua cổ phần của Công ty trong một doanh nghiệp tổng mức góp vốn, mua cổ phần của Công ty tại tất cả các doanh nghiệp không vượt quá mức tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.
- 81.2 Tổng số vốn Công ty đầu tư vào tổ chức tín dụng khác dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần phải được trừ khỏi vốn tự có của Công ty khi tính các tỷ lệ an toàn.

Điều 82: (Đã bãi bỏ)

CHƯƠNG XVIII: THỐNG KÊ, KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 83: Năm tài chính

- 83.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.
- 83.2 Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho đến ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 84: Trình báo cáo hàng năm

- 84.1 Công ty thực hiện chế độ lập và báo cáo tài chính, kiểm toán, công khai báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán, quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sử dụng đồng tiền Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Hồ sơ kế toán được giữ theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 84.2 Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải lập các báo cáo sản xuất kinh doanh và tài chính theo yêu cầu của pháp luật và Hội đồng quản trị trước ba mươi lăm (35) ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị chuẩn bị báo cáo và các tài liệu sau đây
- a Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
 - b Báo cáo tài chính;
 - c Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty.
- 84.3 Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- 84.4 Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của Công ty, chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- 84.5 Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 85: Trả cổ tức

- 85.1 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty sau khi Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của

pháp luật, sau khi đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật, ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác đến hạn.

- 85.2 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- 85.3 Công ty không phải trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 85.4 Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 85.5 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Công ty, các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

- 85.6 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và

phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- 85.7 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 86: Trích lập các quỹ của Công ty

- 86.1 Việc trích lập, duy trì và bổ sung các quỹ của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật các tổ chức tín dụng và của Bộ Tài chính.
- 86.2 Công ty không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này nêu trên để trả cổ tức cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ khi Công ty bị giải thể hoặc thanh lý, nhưng phải ưu tiên trả cho chủ nợ trước khi hoàn trả lại cho các cổ đông.
- 86.3 Việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào các quỹ của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIX: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ

Điều 87. Tài khoản ngân hàng

- 87.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 87.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 87.3 Công ty sẽ tiến hành thanh toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 88. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hằng năm, Công ty phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này bằng 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG XX: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 89. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 89.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 91 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo đúng các quy định pháp luật có liên quan.
- 89.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 89.3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng, báo cáo hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán theo các quy định pháp luật có liên quan.
- 89.4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website riêng của Công ty. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và trên một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp.
- 89.5. Các tổ chức, các nhân viên đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
- 89.6. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 89.7. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 90. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 90.1 Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ khác do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.
- 90.2 Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.
- 90.3 Công ty công bố trên trang thông tin điện tử các thông tin sau đây:
- a. Điều lệ công ty;
 - b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc công ty;
 - c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG XXI: KIỂM TOÁN

Điều 91: Kiểm toán

- 91.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
- 91.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 91.3 Tổ chức kiểm toán độc lập của Công ty sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Công ty và phải chuẩn bị báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
- 91.4 Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

- 91.5 Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập phải được UBCKNN chấp thuận và sẽ được phép tham dự bất kỳ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.
- 91.6 Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG XXII: CON DẤU

Điều 92. Con dấu

- 92.1 Con dấu chính thức của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
- 92.2 Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XXIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 93: Báo cáo và kiểm soát đặc biệt

- 93.1 Trong trường hợp Công ty có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Công ty phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
- 93.2 Công ty có thể bị Ngân hàng Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong các trường hợp sau:
- a. Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
 - b. Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán;
 - c. Tổng số lỗ lũy kế của Công ty lớn hơn 50% tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ dự trữ.
- 93.3 Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, Công ty có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Công ty.

Điều 94: Phá sản Công ty

Việc phá sản của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 155 Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.

Điều 95: Chấm dứt hoạt động

- 95.1 Công ty được giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Thời hạn hoạt động của Công ty hết hạn mà không được gia hạn;
 - b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;
 - d. Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - e. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - f. Công ty bị giải thể theo quy định của pháp luật.
- 95.2 Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:
- a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
 - b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.
- 95.3 Thủ tục giải thể Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 96: Thanh lý Công ty

- 96.1 Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Công ty phải thành lập Ban thanh lý theo quy định của pháp luật để thanh lý các tài sản của Công ty.
- 96.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 96.3 Công ty tiến hành thanh lý dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
- 96.4 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXIV: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 97: Giải quyết tranh chấp nội bộ

97.1 Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền lợi của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông và Công ty;
- b. Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

97.2 Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng tám (08) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế.

97.3 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXV: THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 98: Thông tin định kỳ

98.1 Công ty thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Công ty.

98.2 Công ty được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động tài chính ngân hàng và về khách hàng.

98.3 Công ty có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Công ty.

Điều 99: Nghĩa vụ bảo mật

- 99.1 Nhân viên của Công ty và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Công ty mà mình biết.
- 99.2 Công ty được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Công ty, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XXVI: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 100. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 100.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 100.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXVII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 101: Ngày hiệu lực

- 101.1 Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông xem xét từng chương, từng điều và đã bỏ phiếu chấp thuận toàn văn bản Điều lệ.
- 101.2 Điều lệ này gồm 27 Chương và 101 Điều, được lập thành 10 bản có giá trị như nhau.
- 101.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Mọi sự sao chép, trích lục phải thực hiện theo các quy định của Công ty.
- 101.4 Mọi sửa đổi Điều lệ này sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Phương

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Minh Tâm